

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 13-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Bà Hà Thị Bàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên - Thư ký TAND tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/HSST-QĐ ngày 25-11-2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P – Tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1960, tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thị trấn Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị Nh (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị C (đã chết) có 04 con (lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1995); tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 24-5-2022. Hiện bị cáo đang chấp hành án theo Bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại Trại giam số 5, C10, Bộ Công an (xã G, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa). Có mặt.

Nhân thân: Bản án số 40/HSST ngày 30-3-1996 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú. Xử phạt: Nguyễn Văn P 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán phụ nữ” (phạm tội ngày 17-12-1994). Bị cáo đã chấp hành xong án phí dân sự.

Bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Xử phạt: Nguyễn Văn P1 1 năm 06 tháng tù về các tội “Mua bán phụ

nữ” theo điểm b khoản 2 Điều 115 và tội “Mua bán trẻ em” theo điểm b, c khoản 2 Điều 149 Bộ luật Hình sự năm 1985.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Q - Luật sư, Văn phòng Luật sư VĐoàn Luật sư tỉnh Yên Bái, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 139, đường K, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- *Bị hại:*

1. Bà Hg Thị I, sinh năm 1962. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Phú Thôn, xã U, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Bà Hg Thị Th, sinh năm 1948. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn R, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

3. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1961. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện Tr, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/1994, Lê Sỹ Q (tên gọi khác là Tiến) cùng Dương Văn Th1 trên đường từ Hưng Yên về Yên Bái đã gặp và làm quen với Phạm Thị X, X đặt vấn đề với Q và Th1 tìm phụ nữ đưa qua địa phận tỉnh Lạng Sơn để bán sang Trung Quốc lấy chồng. Khoảng hai tuần sau, X đưa Q và Th1 đến nhà trọ của Vũ Thị Ph ở số 41 Trần Đăng N, phường Tam D, thị xã L, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây X, Q và Ph cùng bàn bạc về việc mua bán phụ nữ. Ph cho Q số điện Th 1ại của gia đình mình, dặn Q khi nào tìm được phụ nữ thì gọi điện thông báo cho Ph, Ph nói nếu là hàng thật (những người tự nguyện đi) thì tốt, nếu là hàng lừa (những người bị lừa) thì phải cẩn thận, nếu có hai người thì nói qua điện Th 1ại là “có hai xe hàng”, để tránh bị phát hiện. Trước đó, Ph đã bàn bạc với Nguyễn Văn P khi có ai đưa phụ nữ đến bán thì Ph gọi cho G theo số điện Th1ại của G, để G trực tiếp gặp trao đổi, thỏa thuận giá cả. Sau khi thống nhất xong, Ph quay về Trung Quốc còn Q, Th1 về Yên Bái.

Tháng 3/1995, Lê Sỹ Q đến gặp bà Phạm Thị M -Trú tại: Thôn 1, xã U, huyện V, tỉnh Yên Bái. Q nhờ Thu tìm người đi làm thuê sẽ được trả công cao. Tin tưởng lời nói của Q, bà Thu đã giới thiệu cho Q bà Hg Thị I có H cảnh khó khăn muốn đi làm thuê kiếm tiền, Q gặp và rủ T1 đi làm thuê và được T1 đồng ý. Q nói với T1 cần tìm thêm một người nữa để cùng đi, T1 giới thiệu với Q bà Hg Thị Th và Q đã cùng T1 đến nhà Th, Q rủ Th đi làm thuê được trả công cao, Th đồng ý. Sau đó, Q dẫn T1 và Th đến thị trấn Mậu A, huyện V gặp Th1, Q giao cho Th1 dẫn T1 và Th đến xã Tr1, huyện L trước, còn Q ở lại chuẩn bị tiền và quần áo sẽ đi sau.

Khoảng 03 ngày sau, Q đưa T1 và Th đến thị xã Yên Bái (nay là thành phố Yên Bái), còn Th1 không đi cùng mà ở lại huyện L. Tới Yên Bái, Q rủ Nguyễn Tô Q1 - Trú tại: huyện B, tỉnh Lào Cai đi cùng Q để đưa T1 và Th đi Lạng Sơn làm thuê. Tới Lạng Sơn, Q dẫn Q, T1 và Th vào nhà trọ của Vũ Thị Ph, Q nhờ Ph gọi điện Th1 lại cho G để G đến gặp, thỏa thuận về việc bán T1 và Th. Khoảng 02 ngày sau, G tới gặp Ph, đưa cho Ph 2.800.000 đồng và bảo khi Q quay lại thì đưa tiền cho Q. Sau khi thỏa thuận xong thì G dẫn Q, Q, T1 và Th vượt biên sang Trung Quốc. Khi sang đến Trung Quốc thuê taxi đến Bằng Tường, Trung Quốc. Sau đó, Q và Q tự quay về nhà trọ gặp Ph, Ph đưa số tiền 2.800.000 đồng cho Q.

Tháng 5/1995, Lê Sĩ Q rủ Nguyễn V I và Bùi Thị V1 tìm phụ nữ để đưa sang Trung Quốc bán, V nói có chị Phạm Thị Th1 (người cùng xã) thường xuyên bị bố mẹ mắng, có thể lừa được, Q nói nếu V và Ích là được Th1 đi thì đưa sang nhà Q để cùng Q đưa đi Lạng Sơn bán. Ngày hôm sau, V đã lừa được chị Th1 bằng cách rủ chị Th1 đi bóc quế bán, V đã báo cho Ích để Ích báo cho Q, tiếp đó V và Ích dẫn Th1 đến nhà Q để Q và Ích đưa Th1 đi Lạng Sơn. Đến Lạng Sơn, Q cùng Ích đưa Th1 vào nhà trọ của Ph và nhờ Ph gọi G đến nhận người. G đến nhà Ph xem mặt Th1 sau đó G bảo Q ở lại đây đợi người. Khoảng 02 ngày sau G quay lại và thuê xe ôm chở Th1, G, Q, Ích cùng đi. Nhưng khi đi được một đoạn thì G nói với Th1 cứ đi cùng G, còn Q và Ích sẽ đi sau. Q và Ích sau khi quay lại nhà Ph và được Ph trả cho 1.600.000 đồng, rồi Q và Ích quay về Yên Bái.

Khoảng tháng 9/1995 Ích và V đến nhà bà Nguyễn Thị Bản (là chị gái của Ích) để tìm cách lừa chị Chu Thị H - Trú tại: đội 4 Quế Lâm, xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) đi bán. Ích nhờ bà Bản gọi chị H đến gặp Ích, sau đó V dụ dỗ chị H đi theo mình làm thuê, H đồng ý. Ích và V đưa chị H đến nhà Ph nhờ Ph gọi G đến nhận người, G đến xem mặt H và hẹn sáng hôm sau sẽ quay lại đưa H đi. Sau đó, G cũng thuê xe tới chở Ích và H đi, đi được khoảng 03km thì G cho Ích quay về gặp Ph lấy số tiền 1.500.000 đồng, còn G đưa H đi.

Khoảng tháng 2/1996, tại khu vực ga Yên Bái, Q gặp bà Nguyễn Thị O - Trú tại: Thôn H, xã K, huyện Tr, tỉnh Yên Bái đang đi lấy thuốc cho con. Q rủ bà Ng đi làm ăn cùng mình sẽ được trả lương cao, bà Ng tin tưởng nên nhận lời đi theo Q. Sau đó, Q đưa bà Ng đến nhà Ph, Ph gọi cho G đến nhận người rồi G đưa bà Ng sang Trung Quốc bán, còn Q nhận được từ Ph số tiền 1.500.000 đồng.

Sau khi mua được những người phụ nữ trên, G đưa họ sang Trung Quốc bán cho một người phụ nữ tên là L với giá 6000 nhân dân tệ một người.

Trong số các phụ nữ bị bán sang Trung Quốc có Hg Thị I, Hg Thị Th và Nguyễn Thị O đã trở về Việt Nam. Còn Phạm Thị Th1 và Chu Thị H đến nay vẫn chưa trở về.

Ngày 19-7-1996, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái ra Quyết định khởi tố vụ án “Xuất nhập cảnh trái phép” và “Mua bán phụ nữ” quy định tại Điều 89 và Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985. Sau đó các đối tượng Lê Sỹ Q; Vũ Thị Ph; Nguyễn Văn Ích; Bùi Thị V1 đã bị xử lý và Tòa án đã xét xử. Riêng đối với Dương Văn Th1 được đình chỉ điều tra theo Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 26 ngày 15-5-1997 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

Còn Nguyễn Văn P và Phạm Thị X đã bỏ trốn, nên Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã tạm đình chỉ và truy nã đối với G và X.

Ngày 24-5-2022, Nguyễn Văn P bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt theo Quyết định truy nã số 03 ngày 28-6-2001 của Cơ Q An N điều tra công an tỉnh Vĩnh Phúc trong vụ án Mua bán phụ nữ và Mua bán trẻ em xảy ra tại tỉnh Vĩnh Phúc (bị khởi tố năm 2001).

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKS-P2 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Mua bán phụ nữ” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa,

* Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Mua bán phụ nữ” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P từ 13 năm đến 14 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt của bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Hg Thị I, Hg Thị Th và Nguyễn Thị O không yêu cầu bị cáo G phải bồi thường, nên không đặt ra.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Đối với số tiền 45.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có, cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát truy tố và việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Các bị hại là bà Hg Thị I, Hg Thị Th và Nguyễn Thị O không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, chỉ đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật

Bị cáo và các bị hại không có ý kiến tranh luận; khi nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và toàn bộ tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 1995 đến tháng 02 năm 1996 Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi mua bán phụ nữ từ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán. Sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với Vũ Thị Ph; G đã mua các bị hại là Hg Thị I, Hg Thị Th, Phạm Thị Th1, Chu Thị H và Nguyễn Thị O từ các đối tượng Lê Sĩ Q, Nguyễn V Ivà Bùi Thị V. Tiếp đó, G đã đưa các bị hại sang Trung Quốc bán cho người phụ nữ tên là L với giá 6000 nhân dân tệ một người. Được tổng số tiền là 30.000 nhân dân tệ (tương đương 45.000.000 đồng tại thời điểm đó), số tiền này bị cáo G đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau đó, Nguyễn Văn P đã bỏ trốn nên Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã ra lệnh truy nã. Đến ngày 24-5-2022 G bị bắt. Đối chiếu với Bộ luật Hình năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì hành vi của Nguyễn Văn P tương ứng với tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 có khung hình phạt từ 08 năm đến 15 năm tù. Để đảm bảo theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, cần truy tố, xét xử Nguyễn Văn P về tội “Mua bán phụ nữ” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985 có khung hình phạt từ 05 năm đến 20

năm tù, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố là có căn cứ.

Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật, nên ngày 20-6-2022 Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Văn P về tội “Xuất, nhập cảnh trái phép”.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền con người được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của các bị hại, coi họ như hàng hóa để thực hiện mua bán. Bị cáo đã trực tiếp mua và đưa nhiều người (05 người phụ nữ) sang Trung Quốc để bán kiếm lời. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán phụ nữ là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Năm 1996, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán phụ nữ”. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà tiếp tục phạm tội.

Do hành vi của Nguyễn Văn P phạm tội năm 2001 được xét xử tại Bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Hành vi phạm tội bị khởi tố năm 1996 bị xét xử lần này (hành vi phạm tội sau bị xét xử trước, hành vi phạm tội trước xét xử sau), nên không được tính là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích. Cần tổng hợp hình phạt 11 năm 06 tháng tù của bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là bà Hg Thị I; bà Hg Thị Th và bà Nguyễn Thị O đều không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 45.000.000 đồng do bị cáo G bán 05 người phụ nữ là T1, Th, Th1, H, Ng mà có. Đây là khoản thu lợi bất chính, cần

truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với Lê Sỹ Q, Nguyễn Văn Ích, Bùi Thị V1 và Vũ Thị Ph đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử tại Bản án số 35/HSST ngày 22-7-1997 và Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xét xử tại bản án phúc thẩm số 1960 ngày 21-11-1997.

[9] Đối với Phạm Thị X bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái ra Quyết định truy nã vào ngày 30-7-1997. Qua xác minh hiện nay X không có mặt ở địa phương. Vì vậy, Cơ quan điều tra sẽ xem xét xử lý sau. Đối với người phụ nữ tên là L là người đã mua các bị hại do bị cáo G bán. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể, nên không cơ sở để xử lý trong vụ án.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Mua bán phụ nữ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P **10 (mười)** năm tù.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt 11 năm 06 tháng tù của bản án số 75/2022/HS-ST ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **21 (hai mươi mốt)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24-5-2022.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự Truy thu số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn P nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- CQCSĐT- CA tỉnh Yên Bái;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Trại giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người bào chữa; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án, Tiểu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thu Hương

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thu Hương